



Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHÂN CẤP TRONG LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU
(Kèm theo quyết định số 88/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính
1	1.000665	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu D
2	1.000695	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu E
3	1.000603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AK
4	1.000432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AJ
5	2.000303	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AI
6	1.000694	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AANZ
7	1.000676	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu S
8	2.000260	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu X
9	1.000686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VJ
10	1.000664	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VC
11	1.000431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VK
12	1.000382	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EAV
13	1.000490	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu A
14	1.000450	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi mẫu B
15	1.000430	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)
16	1.000398	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)
17	1.003477	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu Peru

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính
18	1.003400	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ
19	1.002960	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu Venezuela
20	1.001383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O)
21	1.003522	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) giáp lưng
22	2.001372	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP
23	1.007968	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AHK
24	1.008361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU
25	1.008667	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1
26	1.010056	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA
27	1.010762	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu RCEP
28	1.001274	Cấp Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ (CNM)
29	1.013642	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu GSTP
30	1.013643	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu BR9
31	1.000366	Cấp Văn bản chấp thuận cho tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN
32	1.008882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN
33	1.104119	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VI
34	1.115117	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu UAE-VN
	Tổng	34